TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 447 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Vân Anh

2. Ông Kim Thái Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 01-6-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 975/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Hoàng T, sinh năm: 198; Thường trú: Dương Văn D, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Tân Kỳ Tân Q, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phan Hoàng Dũng, sinh năm 198; Thường trú: Dương Văn D, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Nguyễn Trần Hoàng Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Phan Hoàng D tự nguyện chung sống năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 321/2010, quyển số 02/2010 ngày 15/10/201.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm nhau trong cuộc sống. Bà đã cố gắng hàn gắng để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông D không thay đổi, không chịu đựng được bà dẫn các con về nhà cha mẹ bà ở cho đến nay, vợ

chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi từ đó. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông D có ba con chung tên Phan Hoàng K, sinh ngày 09/8/201, Phan Quỳnh N, sinh ngày 03/11/201 và Phan Hoàng N, sinh ngày 27/10/201. Hiện tại, các con đang ở với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hòa giải được do ông D vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xét vắng mặt.

- Ông D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật* : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cụ thể: Bà T được ly hôn với ông D. Khi ly hôn, giao ba con chung Phan Hoàng K, sinh ngày 09/8/201, Phan Quỳnh N, sinh ngày 03/11/201 và Phan Hoàng N, sinh ngày 27/10/201 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà T không yêu cầu. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà T khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 321/2010, quyển số 02/2010 ngày 15/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông D cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

- *Xét xử vắng mặt bị đơn ông D*: Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho ông D theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D vẫn vắng

mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T*: Ngày 21/5/2021, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Ông D không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà T để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét, bà T yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ, vợ chồng đã không ở chung hơn 03 năm. Bà T xác nhận không còn tình cảm với ông D, không muốn tiếp tục chung sống với ông D. Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D vắng mặt điều đó thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là "vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc", trong trường hợp này giữa bà T và ông D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- *Về quan hệ con chung:* Có ba con chung tên Phan Hoàng K, sinh ngày 09/8/201, Phan Quỳnh N, sinh ngày 03/11/201 và Phan Hoàng N, sinh ngày 27/10/201. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì hiện tại ba con chung đang ở cùng với bà T. Trong quá trình Tòa án giải quyết, các con có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét, việc giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi của trẻ. Để đảm bảo lợi ích mọi mặt của trẻ, tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, Hội đồng xét xử xét thấy giao ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho trẻ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ghi nhận lời khai của bà T không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ghi nhận lời khai của bà T không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai

thu tiền số 0071308 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trần Hoàng T

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Trần Hoàng T được ly hôn với ông Phan Hoàng D

Giấy chứng nhận kết hôn số 321/201, quyển số 02/2010 ngày 15/10/201 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông D hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Nguyễn Trần Hoàng T trực tiếp nuôi ba con chung tên Phan Hoàng K, sinh ngày 09/8/201, Phan Quỳnh N, sinh ngày 03/11/201 và Phan Hoàng N, sinh ngày 27/10/201. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ghi nhận lời khai của bà T không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời khai của bà T không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Bà T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071308 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Bà Nguyễn Trần Hoàng T, ông Phan Hoàng D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường T, quận Tân Phú, TPHCM
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai